

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hồng Hải;

Ông Bùi Đức Hào.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương Th, sinh năm 1994. (Có mặt).

Nơi cư trú: Số X, ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn K, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Y, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương Th trình bày:

Chị Th và anh K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu hai người sống bên gia đình chị Th, cuộc sống vợ chồng cũng có hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Gia N, sinh ngày 14/7/2014. Sau khi sinh con, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh K đi làm xa ít về, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và đã sống ly thân hơn năm năm. Trong thời gian ly thân, anh K không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị Th nhận thấy không

thể hàn gắn với anh K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn K vắng mặt không thể hiện ý kiến về vấn đề xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung của chị Th trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn với anh K và giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung vụ án: Chị Th và anh K có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trước yêu cầu của chị Th, anh K không thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng. Bên cạnh đó, bà Th đã nhắn tin trên báo Long An 3 số liên tiếp (211, 212, 213) từ ngày 22 đến 24/10/2019 để tìm anh K nhưng vẫn không có hồi âm. Điều đó cho thấy anh K không quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị Th, hiện chị Th và anh K đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Về con chung: Cháu Nguyễn Phúc Gia N là con chung của chị Th và anh K, hiện chị Th là người trực tiếp nuôi con, chị Th làm công nhân có thu nhập ổn định. Trước yêu cầu nuôi con của chị Th, anh K không có ý kiến và theo lời trình bày của chị Th thì thời gian ly thân anh K bỏ đi và không có trách nhiệm với con nên đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Th. Do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tấn K có nơi cư trú tại ấp Y, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh K

vẫn vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh K xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc chị Th xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th cho rằng thời kỳ đầu của hôn nhân, chị và anh K sống cũng có hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và đã sống ly thân hơn năm năm. Trong thời gian ly thân, anh K cũng không tới lui thăm chị Th và con chung, không có trách nhiệm với vợ con và cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.3] Ngoài ra, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo cơ hội cho hai người hàn gắn tình cảm nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, bỏ mặc kết quả giải quyết. Điều đó thể hiện thái độ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Th và không tranh chấp với chị Th về vấn đề nuôi con chung. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh K đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thảo.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Phúc Gia N, sinh ngày 14/7/2014 hiện do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Th có việc làm, có thu nhập ổn định. Hơn nữa anh K cũng không thể hiện ý kiến tranh chấp việc nuôi con với chị Th nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Th không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Phương Th.

1.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Tấn K.

1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc Gia N (nữ), sinh ngày 14/7/2014 cho chị Trần Thị Phương Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; Do chị Th không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004648 ngày 03/12/2019 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện T, Long An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Yến Linh